

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

- Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số:118/2020/TLST-HNGĐ ngày 13/11/2020, giữa:

1/ Nguyên đơn: Anh Lê Văn B - sinh năm 1993;

HKTT: Thôn P, xã N, huyện T, tỉnh T

2/ Bị đơn: Chị Lưu Thị Hoàng A- sinh năm 1997;

HKTT: Thôn A, xã M, huyện P, tỉnh H;

3/ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Cháu Lê Anh Đ, sinh ngày 21/9/2018;

HKTT: Thôn A, xã M, huyện P, tỉnh H;

Đại diện theo pháp luật cho cháu Đ là Anh Lê Văn B và chị Lưu Thị Hoàng

A.

- Căn cứ vào các Điều 212, 213, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 về mức án phí, lệ phí;

- Căn cứ vào các Điều 51, 55, 57, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 30/11/2020.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 30/11/2020 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Lê Văn B và chị Lưu Thị Hoàng A.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

* Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Văn B và Chị Lưu Thị Hoàng A thoả thuận nhất trí thuận tình ly hôn;

* Về con chung: Anh Lê Văn B và Chị Lưu Thị Hoàng A thoả thuận thống nhất giao Cháu Lê Anh Đ, sinh ngày 21/9/2018 cho Chị Lưu Thị Hoàng A trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Đ đủ 18 tuổi.

Về phần cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Lê Văn B và Chị Lưu Thị Hoàng A thỏa thuận anh B có trách nhiệm cấp dưỡng hàng tháng cho chị Hoàng A để nuôi dưỡng cháu Đ, mức cấp dưỡng là 1.000.000 đồng/tháng (một triệu đồng). Thời điểm cấp dưỡng tính từ tháng 12 năm 2020 cho đến khi cháu Đ đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, anh B được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, Chị Lưu Thị Hoàng A và gia đình không ai được quyền cản trở.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật, nếu anh B không thi hành khoản tiền cấp dưỡng nuôi con chung. Chị Hoàng A có đơn đề nghị thi hành án hợp pháp, Cơ quan thi hành án ra quyết định thi hành mà anh B không thi hành khoản tiền cấp dưỡng nuôi con chung nêu trên thì hàng tháng phải chịu lãi suất tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

* Về tài sản chung, nợ chung: Hai bên đương sự xác nhận vợ chồng không có tài sản gì chung, không nợ ai về tài sản nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

* Về án phí: Anh Lê Văn B và Chị Lưu Thị Hoàng A thỏa thuận thống nhất Anh Lê Văn B tự nguyện nhận toàn bộ 150.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn và 150.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh B đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0003805 ngày 13/11/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện P. Anh Lê Văn B đã nộp đủ án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện P;
- Chi cục THADS huyện P;
- Phòng ktra NVXX và THAHS TAND tỉnh H;
- UBND xã N(GCNKH số 24/2018);
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Bùi Mạnh Q